ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

DANH SÁCH THÍ SINH CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG 2
KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH AN GIANG NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số 681/TB-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh (ghi rõ)	Đăng ký dự tuyển			Kết quả Vòng 1				Ghi chú
					Vị trí việc làm	Phòng đăng ký dự tuyển	Cơ quan đăng ký	Tổng số câu đúng môn Kiến thức chung	Tỷ lệ %	Tổng số câu đúng môn Tiếng Anh	Tỷ lệ %	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	CCAG001	Nguyễn Chí	Cường	17/07/1991	Quản lý đầu tư; Quản lý xúc tiến đầu tư	Phòng quản lý đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	56/60	93%	25/30	83%	
2	CCAG002	Nguyễn Minh Thụy Xuân	Đào	16/02/1993	Quản lý đầu tư; Quản lý xúc tiến đầu tư	Phòng quản lý đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	46/60	77%	28/30	93%	
3	CCAG003	Đinh Nguyễn Ngọc	Điệp	10/02/1996	Quản lý đầu tư; Quản lý xúc tiến đầu tư	Phòng quản lý đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	49/60	82%	22/30	73%	
4	CCAG005	Lê Nguyễn Minh	Khiết	05/07/1989	Quản lý đầu tư; Quản lý xúc tiến đầu tư	Phòng quản lý đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	43/60	72%	24/30	80%	
5	CCAG006	Lê Nguyễn Phương	Lam	27/02/1996	Quản lý đầu tư; Quản lý xúc tiến đầu tư	Phòng quản lý đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	44/60	73%	18/30	60%	
6	CCAG007	Trần Thị Kim	Phụng	06/11/1996	Quản lý đầu tư; Quản lý xúc tiến đầu tư	Phòng quản lý đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	48/60	80%	21/30	70%	
7	CCAG008	Trịnh Duy	Quang	27/09/1996	Quản lý đầu tư; Quản lý xúc tiến đầu tư	Phòng quản lý đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	58/60	97%	28/30	93%	
8	CCAG009	Nguyễn Huỳnh Đan	Thanh	03/11/1992	Quản lý đầu tư; Quản lý xúc tiến đầu tư	Phòng quản lý đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	46/60	77%	25/30	83%	
9	CCAG010	Nguyễn Xuân	Thông	14/04/1996	Quản lý đầu tư; Quản lý xúc tiến đầu tư	Phòng quản lý đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	48/60	80%	24/30	80%	

10	CCAG011	Nguyễn Hoàng	Dung	04/10/1994	Quản lý doanh nghiệp	Phòng quản lý Doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	55/60	92%	24/30	80%	
11	CCAG012	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	01/01/1997	Quản lý doanh nghiệp	Phòng quản lý Doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	44/60	73%	21/30	70%	
12	CCAG014	Đặng Thị Ngọc	Lợi	20/02/1989	Quản lý doanh nghiệp	Phòng quản lý Doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	55/60	92%	24/30	80%	
13	CCAG015	Nguyễn Thị Thu	Minh	06/7/1991	Quản lý doanh nghiệp	Phòng quản lý Doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	55/60	92%	19/30	63%	
14	CCAG017	Phạm Đỗ	Quyên	27/7/1984	Quản lý doanh nghiệp	Phòng quản lý Doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	45/60	75%	22/30	73%	
15	CCAG018	Phan Ngọc	Tân	02/02/1986	Quản lý doanh nghiệp	Phòng quản lý Doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	50/60	83%	16/30	53%	
16	CCAG019	Trịnh Thị Thu	Thảo	30/10/1992	Quản lý doanh nghiệp	Phòng quản lý Doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	40/60	67%	19/30	63%	
17	**CCAG020**	Phạm Huỳnh Thanh	Trang	03/10/1987	Quản lý doanh nghiệp	Phòng quản lý Doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	54/60	90%	Miễn		
18	CCAG021	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	30/6/1988	Quản lý doanh nghiệp	Phòng quản lý Doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	48/60	80%	17/30	57%	
19	CCAG023	Lê Thành	Luân	13/6/1992	Quản lý quy hoạch và xây dựng	Phòng quản lý Quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	51/60	85%	16/30	53%	
20	CCAG024	Ngô Bá	Tùng	29/7/1990	Quản lý quy hoạch và xây dựng	Phòng quản lý Quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	52/60	87%	19/30	63%	
21	CCAG025	Trần Thế	Anh	17/03/1993	Quản lý Đất đai	Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	52/60	87%	15/30	50%	
22	CCAG027	Trần Thị	Hằng	06/01/1984	Quản lý Đất đai	Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	57/60	57/60	17/30	57%	
23	CCAG032	Nguyễn Kiến	Phúc	09/10/1996	Quản lý Đất đai	Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	44/60	73%	18/30	60%	
24	CCAG035	Trần Hồ Bảo	Trâm	17/12/1985	Quản lý Đất đai	Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	51/60	85%	21/30	70%	
25	CCAG036	Trương Lê Tố	Uyên	08/09/1988	Quản lý Đất đai	Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	48/60	80%	19/30	63%	
26	CCAG037	Hồ Thị Bích	Vân	09/01/1986	Quản lý Đất đai	Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	46/60	77%	16/30	53%	
27	CCAG038	Đinh Thị Tường	Vy	06/01/1996	Quản lý Đất đai	Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	54/60	90%	25/30	83%	

28	CCAG039	Trần Thanh	Hiền	15/05/1995	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bình ổn thị trường	Phòng Quản lý thương mại	Sở Công thương	58/60	97%	20/30	67%	
29	CCAG041	Trần Trí	Tiến	09/02/1994	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bình	Phòng Quản lý thương mại	Sở Công thương	48/60	80%	20/30	67%	
30	CCAG042	Nguyễn Ngọc Thanh	Trang	03/07/1997	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bình	Phòng Quản lý thương mại	Sở Công thương	55/60	92%	17/30	57%	
31	CCAG045	Cao Thị Thanh	Kiều	22/11/1981	Thanh tra, pháp chế	Thanh tra	Sở Công thương	46/60	77%	16/30	53%	
32	CCAG049	Võ Thị Thanh	Hằng	16/11/1993	Hành chính nhân sự	Văn phòng	Sở Công thương	47/60	78%	26/30	87%	
33	CCAG050	Hà Thành	Luân	01/01/1991	Hành chính nhân sự	Văn phòng	Sở Công thương	45/60	75%	17/30	57%	
34	CCAG051	Trần Văn	Vũ	1991	Hành chính nhân sự	Văn phòng	Sở Công thương	39/60	39/60	19/30	63%	
35	CCAG053	Cao Minh Khoa	Thi	05/12/1997	Văn thư lưu trữ	Văn phòng	Sở Công thương	60/60	100%	24/30	80%	
36	CCAG054	Võ Kim	Sang	08/02/1981	Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Phòng QL Kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải	40/60	67%	17/30	57%	
37	CCAG055	Từ Văn	Dũng	20/04/1991	Thẩm định công trình giao thông	Phòng QLCL Công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải	46/60	77%	20/30	67%	
38	CCAG056	Lê Thanh	Hậu	03/09/1992	Thẩm định công trình giao thông	Phòng QLCL Công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải	51/60	85%	18/30	60%	
39	CCAG057	Đặng Thanh	Huyền	05/10/1983	Thẩm định công trình giao thông	Phòng QLCL Công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải	52/60	87%	19/30	63%	
40	CCAG058	Từ Ngọc	Điền	10/10/1987	Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Phòng QL Kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải	49/60	82%	18/30	60%	
41	CCAG059	Diên Hoài Thanh	Phong	01/05/1990	Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Phòng QL Kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải	55/60	92%	18/30	60%	
42	CCAG061	Trần Thành	Tri	02/01/1992	Thẩm định công trình giao thông	Phòng QLCL Công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải	53/60	88%	17/30	57%	
43	CCAG062	Nguyễn Thành	Trung	17/07/1983	Thẩm định công trình giao thông	Phòng QLCL Công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải	44/60	73%	22/30	73%	
44	CCAG063	Nguyễn Đức	Sơn	20/11/1990	Chuyên viên công nghệ thông tin	Văn phòng	Sở Giao thông vận tải	56/60	93%	21/30	70%	
45	CCAG064	Võ Thành	Mộng	14/03/1987	Chuyên viên công nghệ thông tin	Văn phòng	Sở Giao thông vận tải	52/60	87%	18/30	60%	
46	CCAG066	Nguyễn Văn	Tâm	13/09/1991	Chuyên viên công nghệ thông tin	Văn phòng	Sở Giao thông vận tải	56/60	93%	26/30	87%	
47	CCAG068	Lý Chí	Trung	27/08/1994	Chuyên viên công nghệ thông tin	Văn phòng	Sở Giao thông vận tải	53/60	88%	19/30	63%	

48	CCAG069	Trần Minh	Tuyên	20/01/1981	Chuyên viên công nghệ thông tin	Văn phòng	Sở Giao thông vận tải	48/60	80%	15/30	50%	
49	CCAG070	Lê Vũ Hoàng	Vi	19/06/1996	Quản lý vận tải	Phòng QL vận tải, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải	43/60	72%	21/30	70%	
50	CCAG071	Nguyễn Tuấn Anh	Huy	27/12/1989	Quản lý nhà nước về đầu tư, đấu thầu	Phòng Đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	58/60	97%	23/30	77%	
51	CCAG072	Vũ Yến	Anh	24/10/1982	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Kinh tế ngành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50/60	83%	19/30	63%	
52	CCAG074	Ông Thị Hồng	Diễm	09/09/1990	Chuyên viên TBT	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	50/60	83%	20/30	67%	
53	CCAG075	Khưu Chí	Khang	02/12/1994	Chuyên viên TBT	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	47/60	78%	23/30	77%	
54	CCAG076	Ngô nguyễn Hải	Kim	14/08/1993	Chuyên viên TBT	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	54/60	90%	24/30	80%	
55	CCAG078	La Thị Anh	Minh	15/12/1997	Chuyên viên TBT	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	52/60	87%	17/30	57%	
56	**CCAG081**	Lý Trần Kim	Sang	09/08/1992	Chuyên viên TBT	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	45/60	75%	Miễn		
57	CCAG082	Thiều Quang	Sang	03/09/1982	Chuyên viên TBT	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	53/60	88%	17/30	57%	
58	CCAG085	Trần Phước	Thiện	30/08/1989	Chuyên viên TBT	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	56/60	93%	22/30	73%	
59	CCAG087	Nguyễn Minh	Thúy	05/02/1996	Chuyên viên TBT	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	40/60	67%	20/30	67%	
60	CCAG088	Trần Thủy	Tiên	22/01/1996	Chuyên viên TBT	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	44/60	73%	15/30	50%	
61	**CCAG089**	Phan Thị Kim	Trang	11/05/1993	Chuyên viên TBT	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	47/60	78%	Miễn		
62	CCAG090	Trần Thị Lệ	Trinh	29/08/1996	Chuyên viên TBT	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	44/60	73%	20/30	67%	
63	CCAG093	Hoàng Thị Kiều	My	24/03/1995	Hành chính tổng hợp	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	53/60	88%	24/30	80%	
64	CCAG096	Nguyễn Tấn	Quý	30/12/1996	Hành chính tổng hợp	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	55/60	92%	15/30	50%	
65	CCAG098	Nguyễn Hoàng	An	1992	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	45/60	75%	27/30	90%	
66	CCAG099	Nguyễn Thị Thanh Yến	Chi	08/04/1994	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	56/60	93%	23/30	77%	

67	CCAG102	Huỳnh Bá	Di	16/04/1993	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	58/60	97%	20/30	67%	
68	CCAG103	Phan Thị Ngọc	Diệu	06/12/1995	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	42/60	70%	18/30	60%	
69	CCAG104	Phạm Thị	Gấm	07/03/1993	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	55/60	92%	17/30	57%	
70	CCAG105	Trần Thị Quỳnh	Giao	02/11/1994	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	52/60	87%	20/30	67%	
71	CCAG108	Võ Thị Thúy	Kiều	11/01/1994	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	56/60	93%	24/30	80%	
72	CCAG109	Huỳnh Dương Phương	Lam	16/10/1997	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	40/60	67%	15/30	50%	
73	CCAG111	Dương Hoàng	Nam	09/10/1997	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	50/60	83%	22/30	73%	
74	CCAG113	Nguyễn Thị Yến	Nhi	01/11/1991	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	53/60	88%	17/30	57%	
75	**CCAG114**	Đặng Minh	Nhựt	17/02/1987	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	49/60	82%	Miễn		Th.sĩ Đài Loan
76	CCAG115	Phạm Phước	Sang	29/05/1991	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	48/60	80%	19/30	63%	
77	CCAG116	Trần Thị Tuyết	Sương	19/05/1989	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	48/60	80%	19/30	63%	
78	CCAG117	Trương Chí	Thanh	12/02/1993	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	45/60	75%	16/30	53%	
79	CCAG118	Huỳnh Duy	Thiện	31/05/1995	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	52/60	87%	27/30	90%	
80	CCAG119	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	1985	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	51/60	85%	21/30	70%	
81	CCAG120	Lê Phạm Thanh	Thùy	09/02/1996	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	48/60	80%	21/30	70%	
82	CCAG121	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	19/07/1992	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	56/60	93%	21/30	70%	
83	CCAG123	Huỳnh Trần	Toàn	14/03/1990	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	50/60	83%	20/30	67%	
84	CCAG124	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	09/11/1993	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	58/60	97%	20/30	67%	
85	CCAG125	Trịnh Thị Thùy	Trang	10/06/1994	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	50/60	83%	19/30	63%	

86	CCAG126	Phan Thị Thùy	Trang	18/07/1995	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	46/60	77%	18/30	60%	
87	CCAG127	Trần Bảo	Trung	23/12/1993	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	57/60	95%	21/30	70%	
88	CCAG128	Lê Cẩm	Tú	13/03/1997	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	45/60	75%	19/30	63%	
89	CCAG129	Trương Võ Quốc	Tuấn	14/10/1995	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	52/60	87%	19/30	63%	
90	CCAG130	Trương Thị Thanh	Tuyền	04/09/1992	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	55/60	92%	19/30	63%	
91	CCAG131	Trần Hoàng	Việt	23/10/1996	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	50/60	83%	16/30	53%	
92	CCAG133	Nguyễn Hữu	Dư	19/04/1989	Quản lý tiêu chuẩn đo lường	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	56/60	93%	26/30	87%	
93	CCAG134	Nguyễn Trần Vạn	Phước	01/01/1996	Quản lý tiêu chuẩn đo lường	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	47/60	78%	22/30	73%	
94	CCAG136	Nguyễn Huỳnh Thiên	Nhi	09/04/1996	Quản lý công nghệ	Phòng Công nghệ và thị trường công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	48/60	80%	25/30	83%	
95	CCAG139	Võ Thị Bích	Ngọc	23/11/1995	Kế toán	Phòng Kế hoạch tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	43/60	72%	20/30	67%	
96	CCAG140	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	03/04/1988	Kế toán	Phòng Kế hoạch tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	51/60	85%	21/30	70%	
97	CCAG142	Huỳnh Thị Kiều	Trinh	31/08/1987	Kế toán	Phòng Kế hoạch tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	50/60	83%	22/30	73%	
98	**CCAG143**	Hồ Thị Trúc	Giang	08/06/1989	Văn thư lưu trữ	Văn phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	39/60	65%	Miễn		
99	CCAG144	Nguyễn Thị Tuyết	Hạnh	08/03/1985	Văn thư lưu trữ	Văn phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	52/60	87%	19/30	63%	Giấy CN tạm thời
100	CCAG145	Đặng Thị Diệu	Hiền	23/10/1996	Văn thư lưu trữ	Văn phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	57/60	95%	29/30	97%	
101	CCAG147	Trương Tú	Ngọc	10/08/1985	Văn thư lưu trữ	Văn phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	46/60	77%	17/30	57%	
102	CCAG149	Trương Ngọc Như	Ý	11/07/1997	Văn thư lưu trữ	Văn phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	50/60	83%	20/30	67%	
103	CCAG150	Danh	Miền	01/01/1988	Quản lý về đào tạo nghề	Phòng Dạy nghề	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	43/60	72%	16/30	53%	
104	CCAG153	Nguyễn Hoài	Niệm	10/05/1975	Quản lý về việc làm, xuất khẩu lao động	Phòng LĐ-VL-ATLĐ-BHXH	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	52/60	87%	19/30	63%	

105	CCAG154	Nguyễn Thị Xuân	Thắm	11/07/1988	Quản lý về việc làm, xuất khẩu lao động	Phòng LĐ-VL-ATLĐ-BHXH	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	49/60	82%	17/30	57%	
106	CCAG156	Lê Hữu	Hận	15/01/1997	Pháp chế	Văn phòng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	57/60	95%	23/30	77%	
107	CCAG157	Phạm Hồng	Lĩnh	06/05/1995	Pháp chế	Văn phòng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	38/60	63%	15/30	50%	
108	CCAG158	Nguyễn Thanh	Nam	29/09/1990	Pháp chế	Văn phòng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	58/60	97%	25/30	83%	
109	CCAG163	Lê Thị Phương	Thảo	06/06/1996	Pháp chế	Văn phòng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	51/60	85%	18/30	60%	
110	CCAG164	Nguyễn Trần Anh	Thư	10/01/1987	Pháp chế	Văn phòng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	43/60	72%	18/30	60%	
111	CCAG165	Lê Thị Mỹ	Tiên	07/01/1995	Pháp chế	Văn phòng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	56/60	93%	16/30	53%	
112	CCAG168	Văn Mỹ	Châu	11/06/1986	Quản lý thi đua khen thưởng	Ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ	51/60	85%	20/30	67%	
113	CCAG170	Đoàn Mạnh	Cường	22/05/1991	Quản lý thi đua khen thưởng	Ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ	55/60	92%	19/30	63%	
114	CCAG172	Huỳnh Hoa Thiên	Lý	12/11/1988	Quản lý thi đua khen thưởng	Ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ	46/60	77%	15/30	50%	
115	CCAG173	Nguyễn Thành	Nghiệp	28/09/1996	Quản lý thi đua khen thưởng	Ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ	57/60	95%	26/30	87%	
116	CCAG174	Trần Thúy Quỳnh	Như	20/09/1997	Quản lý thi đua khen thưởng	Ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ	51/60	85%	16/30	53%	
117	CCAG179	Lý Đường Huy	Toàn	12/11/1989	Quản lý thi đua khen thưởng	Ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ	53/60	88%	16/30	53%	Giấy XN
118	CCAG182	Nguyễn Thị Lan	Hương	1988	Tổng hợp	Ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ	42/60	70%	19/30	63%	
119	CCAG186	Võ Thị Thu	Hiền	01/01/1984	Văn thư lưu trữ	Ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ	49/60	82%	19/30	63%	
120	CCAG192	Nguyễn Tiến	Lên	16/02/1990	Quản lý tôn giáo	Ban Tôn Giáo	Sở Nội vụ	43/60	72%	16/30	53%	

121	CCAG194	Nguyễn Thị Ngọc	Sánh	30/11/1996	Quản lý tôn giáo	Ban Tôn Giáo	Sở Nội vụ	50/60	83%	19/30	63%	
122	CCAG195	Nguyễn Hoàng Vĩnh	Thụy	01/01/1994	Quản lý tôn giáo	Ban Tôn Giáo	Sở Nội vụ	49/60	82%	25/30	83%	
123	CCAG196	Ngô Đặng Kiều	Trang	29/03/1991	Quản lý tôn giáo	Ban Tôn Giáo	Sở Nội vụ	55/60	92%	18/30	60%	
124	CCAG198	Phạm Văn	Ý	10/04/1987	Quản lý tôn giáo	Ban Tôn Giáo	Sở Nội vụ	44/60	73%	16/30	53%	
125	CCAG199	Đặng Thị Kim	Khương	24/06/1982	Tổng hợp	Ban Tôn Giáo	Sở Nội vụ	50/60	83%	21/30	70%	
126	CCAG200	Đinh Công	Phúc	20/11/1997	Tổng hợp	Ban Tôn Giáo	Sở Nội vụ	52/60	87%	22/30	73%	
127	CCAG202	Nguyễn Thanh	Sĩ	20/12/1990	Phòng, chống thiên tai	Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	56/60	93%	26/30	87%	
128	CCAG203	Trương Thanh Xuân	Liên	06/04/1990	Quản lý chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	53/60	88%	27/30	90%	
129	CCAG204	Phùng Thị Anh	Thư	21/01/1993	Quản lý chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	52/60	87%	21/30	70%	
130	CCAG206	Trương Thị Thúy	Loan	01/09/1988	Quản lý chuyên ngành về đầu tư xây dựng công trình	Phòng quản lý Xây dựng công trình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	55/60	92%	18/30	60%	
131	CCAG207	Phạm Hữu	Toàn	28/02/1995	Thanh tra về đầu tư xây dựng công trình	Thanh tra	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	48/60	80%	21/30	70%	
132	CCAG208	Phan Thị Tuyết	Duy	23/02/1989	Quản lý Giá - Công sản	Phòng QL Giá - Công sản	Sở Tài chính	50/60	83%	17/30	57%	
133	CCAG211	Nguyễn Lưu Tuyết	Ngọc	09/04/1987	Quản lý Giá - Công sản	Phòng QL Giá - Công sản	Sở Tài chính	48/60	80%	20/30	67%	
134	CCAG213	Huỳnh Thị Yến	Phương	10/01/1994	Quản lý Giá - Công sản	Phòng QL Giá - Công sản	Sở Tài chính	51/60	85%	19/30	63%	
135	CCAG216	Trần Quang	Vinh	19/10/1986	Quản lý Giá - Công sản	Phòng QL Giá - Công sản	Sở Tài chính	54/60	90%	20/30	67%	
136	CCAG217	Khưu Thị Kim	Chi	28/01/1991	Quản lý Ngân sách	Phòng QL Ngân sách	Sở Tài chính	52/60	87%	16/30	53%	
137	CCAG218	Nguyễn Đình	Hoàng	01/11/1988	Quản lý Ngân sách	Phòng QL Ngân sách	Sở Tài chính	55/60	92%	18/30	60%	
138	CCAG219	Trần Thị Thanh	Tuyền	08/11/1993	Quản lý Ngân sách	Phòng QL Ngân sách	Sở Tài chính	41/60	68%	17/30	57%	
139	CCAG220	Nguyễn Thị Thùy	Dương	18/03/1990	Hành chính tổng hợp	Văn phòng	Sở Tài chính	53/60	88%	16/30	53%	

140	CCAG221	Dương Tuyết	Nhung	17/09/1991	Hành chính tổng hợp	Văn phòng	Sở Tài chính	56/60	93%	25/30	83%	
141	CCAG222	Lê Thị Vân	Phi	10/10/1983	Hành chính tổng hợp	Văn phòng	Sở Tài chính	50/60	83%	18/30	60%	
142	CCAG225	Ngô Vĩnh	Trường	19/12/1987	Hành chính tổng hợp	Văn phòng	Sở Tài chính	58/60	97%	29/30	97%	
143	CCAG226	Trương Thị Cẩm	Vân	14/12/1990	Hành chính tổng hợp	Văn phòng	Sở Tài chính	53/60	88%	19/30	63%	
144	CCAG230	Nguyễn Trung	Kiên	13/07/1988	Tổ chức nhân sự	Văn phòng	Sở Tài chính	55/60	92%	25/30	83%	
145	**CCAG232**	Đinh Phan Minh	Phương	29/07/1990	Tổ chức nhân sự	Văn phòng	Sở Tài chính	54/60	90%	Miễn		TN SĐH ở Úc
146	CCAG234	Đỗ Thanh	Hằng	29/04/1995	Quản lý bổ trợ tư pháp	Phòng Bổ trợ tư pháp	Sở Tư pháp	53/60	88%	22/30	73%	
147	CCAG238	Lê Thị Kim	Thư	25/07/1996	Quản lý bổ trợ tư pháp	Phòng Bổ trợ tư pháp	Sở Tư pháp	46/60	77%	15/30	50%	
148	CCAG240	Trần Văn	Tuấn	20/06/1990	Quản lý bổ trợ tư pháp	Phòng Bổ trợ tư pháp	Sở Tư pháp	52/60	87%	16/30	53%	
149	CCAG242	Nguyễn Văn	An	09/09/1983	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	59/60	98%	24/30	80%	
150	CCAG243	Võ An	Biên	07/10/1990	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	52/60	87%	20/30	67%	
151	CCAG244	Nguyễn Văn	Đặng	08/01/1977	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	49/60	82%	19/30	63%	
152	CCAG245	Dương Thị Kim	Duy	25/04/1997	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	53/60	88%	22/30	73%	
153	CCAG246	Nguyễn Thoại	Giang	12/11/1996	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	52/60	87%	18/30	60%	
154	CCAG248	Dương Minh	Luân	22/07/1987	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	54/60	90%	16/30	53%	
155	CCAG252	Mai Thị Trúc	Phương	08/02/1997	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	58/60	97%	24/30	80%	
156	CCAG254	Phạm Hồng	Thắm	19/05/1992	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	55/60	92%	18/30	60%	
157	CCAG259	Trần Thị Cẩm	Thi	16/11/1997	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	53/60	88%	24/30	80%	
158	CCAG261	Trần Thị Thùy	Trang	08/05/1995	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	49/60	82%	17/30	57%	

159	CCAG262	Huỳnh Văn	Trí	04/04/1991	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	52/60	87%	15/30	50%	
160	CCAG264	Tạ Nguyễn Thảo	Vy	26/02/1997	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	51/60	85%	25/30	83%	
161	CCAG265	Nguyễn Thị Cẩm	Xuyên	26/06/1997	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Phòng phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	56/60	93%	17/30	57%	
162	CCAG266	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	16/07/1991	Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	55/60	92%	24/30	80%	
163	CCAG267	Huỳnh Văn	Kến	1987	Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	54/60	90%	15/30	50%	
164	CCAG268	Trần Kỳ	Nam	03/02/1977	Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	56/60	93%	19/30	63%	
165	CCAG269	Neàng Thị Ti	Qui	30/05/1997	Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	49/60	82%	22/30	73%	
166	CCAG270	Võ Thị Phương	Thảo	03/04/1993	Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	56/60	93%	25/30	83%	
167	CCAG271	Nguyễn Thị Ngọc	Trăm	21/08/1996	Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	52/60	87%	15/30	50%	
168	CCAG272	Lý Thị Tú	Uyên	09/01/1996	Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	58/60	97%	19/30	63%	
169	CCAG273	Lương Thị	Hiền	1987	Xây dựng, thẩm định văn bản QPPL	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	43/60	72%	19/30	63%	
170	CCAG275	Phan Thị Kim	Ngân	15/02/1995	Xây dựng, thẩm định văn bản QPPL	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	49/60	82%	22/30	73%	

171	CCAG277	Nguyễn Minh	Sáng	28/07/1993	Xây dựng, thẩm định văn bản QPPL	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	52/60	87%	20/30	67%	
172	CCAG278	Trần Hoàng	Thương	01/01/1990	Xây dựng, thẩm định văn bản QPPL	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	52/60	87%	18/30	60%	
173	**CCAG281**	Nguyễn Trần Mai	Xuân	24/07/1991	Xây dựng, thẩm định văn bản QPPL	Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	56/60	93%	Miễn		
174	**CCAG282**	Trương Khánh	Hạ	10/09/1996	Quản lý du lịch	Phòng Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	41/60	68%	Miễn		
175	**CCAG284**	Huỳnh Thị Thanh	Hồng	03/05/1994	Quản lý du lịch	Phòng Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	58/60	97%	Miễn		
176	**CCAG287**	Thiều Quang	Minh	23/11/1989	Quản lý du lịch	Phòng Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	48/60	80%	Miễn		
177	**CCAG289**	Trần Thị Diễm	Phượng	04/06/1991	Quản lý du lịch	Phòng Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	56/60	93%	Miễn		
178	**CCAG291**	Lê Hoàng	Tuấn	05/08/1993	Quản lý du lịch	Phòng Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51/60	85%	Miễn		
179	**CCAG292**	Phan Thị Tố	Uyên	09/09/1995	Quản lý du lịch	Phòng Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	46/60	77%	Miễn		
180	**CCAG293**	Nguyễn Nhật Thảo	Vy	16/11/1997	Quản lý du lịch	Phòng Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	53/60	88%	Miễn		
181	CCAG294	Bùi Tuấn	Anh	17/01/1984	Quản lý Thể dục thể thao	Phòng quản lý Thể dục thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	52/60	87%	17/30	57%	
182	CCAG303	Nguyễn Trương Phương	Khanh	24/08/1989	Quản lý Văn hóa	Phòng quản lý Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51/60	85%	22/30	73%	
183	CCAG305	Trần Thị Thúy	Loan	14/08/1987	Quản lý Văn hóa	Phòng quản lý Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	49/60	82%	19/30	63%	
184	CCAG307	Nguyễn Hồng	Ngọc	22/11/1986	Quản lý Văn hóa	Phòng quản lý Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	55/60	92%	18/30	60%	
185	CCAG310	Trần Thị Kim	Phần	17/10/1997	Quản lý Văn hóa	Phòng quản lý Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	47/60	78%	24/30	80%	
186	CCAG319	Nguyễn Huỳnh	Hận	05/06/1990	Quản lý về đầu tư xây dựng cơ bản	Văn phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	55/60	92%	24/30	80%	
187	CCAG320	Nguyễn Thị Kim	Ngân	15/09/1985	Quản lý về đầu tư xây dựng cơ bản	Văn phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	49/60	82%	17/30	57%	
188	CCAG321	Võ Dương Phương	Thảo	28/02/1983	Quản lý về đầu tư xây dựng cơ bản	Văn phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	47/60	78%	21/30	70%	

189	CCAG324	Lê Thị Thủy	Tiên	21/07/1996	Văn thư lưu trữ	Văn phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	56/60	93%	24/30	80%	
190	CCAG325	Phạm Thị	Xinh	12/05/1984	Văn thư lưu trữ	Văn phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51/60	85%	18/30	60%	
191	CCAG327	Văn Chí	Hậu	12/06/1992	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Phòng Giám định xây dựng	Sở Xây dựng	47/60	78%	17/30	57%	
192	CCAG328	Đặng Trung	Hiếu	16/02/1980	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Phòng Giám định xây dựng	Sở Xây dựng	54/60	90%	19/30	63%	
193	CCAG330	Mai Xuân	Minh	26/11/1985	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Phòng Giám định xây dựng	Sở Xây dựng	52/60	87%	21/30	70%	
194	CCAG332	Nguyễn Ngô Duy	Thanh	20/05/1991	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Phòng Giám định xây dựng	Sở Xây dựng	54/60	90%	16/30	53%	
195	CCAG333	Đặng Phú	Cương	05/06/1987	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế, vật liệu xây dựng, Quản lý xây dựng	Sở Xây dựng	51/60	85%	16/30	53%	
196	CCAG335	Huỳnh Trần Phi	Long	15/10/1989	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế, vật liệu xây dựng, Quản lý xây dựng	Sở Xây dựng	50/60	83%	26/30	87%	
197	CCAG336	Huỳnh Hiếu	Nghĩa	02/06/1987	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế, vật liệu xây dựng, Quản lý xây dựng	Sở Xây dựng	52/60	87%	21/30	70%	
198	CCAG337	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	23/09/1985	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế, vật liệu xây dựng, Quản lý xây dựng	Sở Xây dựng	45/60	75%	27/30	90%	
199	CCAG340	Tăng Hoa	Thiên	15/07/1995	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế, vật liệu xây dựng, Quản lý xây dựng	Sở Xây dựng	49/60	82%	20/30	67%	
200	CCAG341	Nguyễn Thái	Thụy	11/07/1996	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế, vật liệu xây dựng, Quản lý xây dựng	Sở Xây dựng	45/60	75%	18/30	60%	
201	CCAG343	Đoàn Trương Thanh	Bình	23/06/1988	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Phòng quản lý nhà, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật	Sở Xây dựng	56/60	93%	18/30	60%	

202	CCAG345	Phạm Thị Mộng	Tuyền	16/07/1987	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Phòng quản lý nhà, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật	Sở Xây dựng	48/60	80%	18/30	60%	
203	CCAG346	Nguyễn Ngọc Ngân	Châu	12/12/1995	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	Phòng Quy hoạch Kiến trúc	Sở Xây dựng	54/60	90%	25/30	83%	
204	CCAG348	Nguyễn Đoàn Bảo	Anh	26/09/1993	Quản lý công tác DS-KHHGĐ	Chi cục Dân số, KHHGĐ	Sở Y tế	57/60	95%	23/30	77%	
205	CCAG349	Phan Thị Minh	Châu	15/03/1994	Quản lý công tác DS-KHHGĐ	Chi cục Dân số, KHHGĐ	Sở Y tế	43/60	72%	16/30	53%	
206	CCAG350	Dương Thị Mỹ	Duyên	13/01/1996	Quản lý công tác DS-KHHGĐ	Chi cục Dân số, KHHGĐ	Sở Y tế	53/60	88%	19/30	63%	
207	CCAG351	Huỳnh Trần Mỹ	Hiện	01/12/1995	Quản lý công tác DS-KHHGĐ	Chi cục Dân số, KHHGĐ	Sở Y tế	54/60	90%	21/30	70%	
208	CCAG352	Nguyễn Đức	Minh	17/05/1994	Quản lý công tác DS-KHHGĐ	Chi cục Dân số, KHHGĐ	Sở Y tế	56/60	93%	19/30	63%	
209	CCAG353	Chau So	Ny	21/12/1991	Quản lý công tác DS-KHHGĐ	Chi cục Dân số, KHHGĐ	Sở Y tế	48/60	80%	24/30	80%	
210	CCAG357	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	26/08/1994	Hành chính tổng hợp	Văn phòng	Thanh tra tỉnh	52/60	87%	17/30	57%	
211	CCAG360	Quách Mỹ	Thanh	14/11/1990	Hành chính tổng hợp	Văn phòng	Thanh tra tỉnh	57/60	95%	19/30	63%	
212	CCAG361	Nguyễn Thị Bích	Vân	27/09/1979	Hành chính tổng hợp	Văn phòng	Thanh tra tỉnh	50/60	83%	16/30	53%	
213	CCAG364	Đặng Thị Huyền	Trân	01/01/1996	Kế toán	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Thoại Sơn	50/60	83%	20/30	67%	
214	CCAG365	Đặng Thị Huyền	Trang	26/7/1996	Kế toán	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Thoại Sơn	51/60	85%	19/30	63%	
215	CCAG366	Ngô Thị Hương	Dịu	15/11/1983	Quản lý công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Thoại Sơn	57/60	95%	21/30	70%	
216	CCAG367	Võ Thị Minh	Kha	20/5/1983	Quản lý công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Thoại Sơn	49/60	82%	25/30	83%	
217	CCAG368	Quách Thị	Thắm	15/11/1990	Quản lý công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Thoại Sơn	41/60	68%	24/30	80%	
218	CCAG369	Nguyễn Thị Huyền	Trang	05/4/1989	Quản lý công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Thoại Sơn	59/60	98%	23/30	77%	

219	CCAG370	Nguyễn Thị Thu	Liễu	20/3/1991	Quản lý Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Thoại Sơn	48/60	80%	16/30	53%	
220	CCAG372	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	20/9/1997	Quản lý Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Thoại Sơn	53/60	88%	19/30	63%	
221	CCAG375	Nguyễn Thị Bé	Chính	26/9/1986	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện Thoại Sơn	56/60	93%	22/30	73%	
222	CCAG376	Võ Bá Thùy	Dương	25/8/1997	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện Thoại Sơn	49/60	82%	19/30	63%	
223	CCAG382	Nguyễn Thị Thu	Trang	14/6/1995	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện Thoại Sơn	57/60	95%	21/30	70%	
224	CCAG383	Trần Kim	Trang	08/3/1993	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện Thoại Sơn	45/60	75%	17/30	57%	
225	CCAG384	Nguyễn Văn	Hiếu	25/3/1989	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên; Kế toán	Phòng Nội vụ	UBND huyện Thoại Sơn	56/60	93%	18/30	60%	
226	CCAG387	Nguyễn Thị Trường	An	16/2/1986	Quản lý tổ chức biên chế và hội	Phòng Nội vụ	UBND huyện Thoại Sơn	54/60	90%	22/30	73%	
227	CCAG388	Diệp Đức	Bảo	03/5/1991	Quản lý tổ chức biên chế và hội	Phòng Nội vụ	UBND huyện Thoại Sơn	52/60	87%	16/30	53%	
228	CCAG389	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	26/9/1991	Quản lý tổ chức biên chế và hội	Phòng Nội vụ	UBND huyện Thoại Sơn	52/60	87%	26/30	87%	
229	CCAG390	Vương Thị Diễm	Hương	29/6/1997	Quản lý tổ chức biên chế và hội	Phòng Nội vụ	UBND huyện Thoại Sơn	50/60	83%	18/30	60%	
230	CCAG392	Võ Thị Thanh	Thanh	04/06/1996	Quản lý tổ chức biên chế và hội	Phòng Nội vụ	UBND huyện Thoại Sơn	53/60	88%	17/30	57%	
231	CCAG394	Nguyễn Hà Hùng	Dũng	11/12/1992	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Thoại Sơn	47/60	78%	16/30	53%	
232	CCAG395	Trương Thái	Hòa	17/10/1994	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Thoại Sơn	52/60	87%	16/30	53%	
233	CCAG396	Dương Hồng	Giang	23/8/1986	Quản lý tài chính ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Thoại Sơn	52/60	87%	16/30	53%	
234	CCAG397	Nguyễn Huy	Hoàng	09/09/1985	Quản lý tài chính ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Thoại Sơn	54/60	90%	21/30	70%	

235	CCAG400	Cao Minh	Trung	16/01/1986	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Thoại Sơn	55/60	92%	22/30	73%	
236	CCAG401	Nguyễn Tú	An	28/09/1989	Quản lý tài chính ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Thoại Sơn	48/60	80%	17/30	57%	
237	CCAG406	Nguyễn Trường	Vinh	08/8/1990	Quản lý tài chính ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Thoại Sơn	49/60	82%	20/30	67%	
238	CCAG407	Nguyễn Khắc	Điệp	26/9/1987	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	59/60	98%	18/30	60%	
239	CCAG409	Lê Trung	Hiếu	11/3/1996	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	56/60	93%	19/30	63%	
240	CCAG414	Nguyễn Chí	Linh	1985	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	59/60	98%	27/30	90%	
241	CCAG415	Huỳnh Kim	Lộc	29/10/1987	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	55/60	92%	15/30	50%	
242	CCAG416	Phạm Hữu Nguyễn	Lộc	15/6/1988	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	57/60	95%	24/30	80%	
243	CCAG418	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	17/1/1995	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	54/60	90%	23/30	77%	
244	CCAG419	Lê Quang Yến	Phi	22/9/1992	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	49/60	82%	23/30	77%	
245	CCAG420	Nguyễn Minh	Phụng	09/02/1991	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	56/60	93%	16/30	53%	
246	CCAG421	Huỳnh Thị Kim	Phượng	14/11/1989	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	55/60	92%	24/30	80%	
247	CCAG424	Nguyễn Thị Minh	Thư	28/11/1996	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	45/60	75%	17/30	57%	
248	CCAG425	Lê Hồ Anh	Thư	24/8/1990	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	53/60	88%	24/30	80%	
249	CCAG431	Nguyễn Huỳnh Lan	Uyên	19/10/1990	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	59/60	98%	25/30	83%	
250	CCAG432	Nguyễn Quốc	Việt	01/01/1990	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	55/60	92%	22/30	73%	
251	CCAG433	Lê Thị Minh	Xuân	06/01/1988	Tổ chức biên chế	Phòng Nội vụ	UBND thành phố Châu Đốc	55/60	92%	23/30	77%	
252	CCAG434	Quách Gia	Bửu	24/7/1995	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	42/60	70%	18/30	60%	
253	CCAG435	Lê Nguyên	Cẩn	29/7/1982	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	53/60	88%	20/30	67%	

254	CCAG436	Đỗ Phú	Cường	12/03/1997	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	53/60	88%	15/30	50%	
255	CCAG437	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	01/06/1990	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	49/60	82%	24/30	80%	GCN tạm thời
256	CCAG440	Nguyễn Lưu	Khánh	30/7/1997	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	48/60	80%	18/30	60%	
257	CCAG441	Phạm Sĩ	Nguyên	08/10/1997	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	51/60	85%	26/30	87%	
258	CCAG442	Dương Thị Huỳnh	Như	06/7/1996	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	53/60	88%	26/30	87%	
259	CCAG444	Nguyễn Thị Diễm	Phương	18/11/1992	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	48/60	80%	21/30	70%	
260	CCAG445	Nguyễn Thị Diễm	Thùy	18/5/1995	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	40/60	67%	16/30	53%	
261	CCAG446	La Mỹ	Trang	26/2/1996	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	43/60	72%	16/30	53%	
262	CCAG448	Trần Kim	Trang	02/8/1995	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	49/60	82%	19/30	63%	
263	CCAG450	Lê Anh	Tuấn	24/4/1996	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	52/60	87%	25/30	83%	
264	CCAG452	Nguyễn Ngô Thanh	Vi	11/05/1996	Quản lý môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Châu Đốc	50/60	83%	22/30	73%	
265	CCAG455	Châu Nguyễn Thảo	Nguyên	15/1/1997	Quản lý văn hóa cơ sở	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND thành phố Châu Đốc	52/60	87%	24/30	80%	
266	CCAG457	Ngô Thị Thúy	Anh	14/2/1989	Công tác thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	UBND thành phố Châu Đốc	55/60	92%	20/30	67%	
267	CCAG459	Đặng Thị	Hà	20/7/1996	Công tác thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	UBND thành phố Châu Đốc	43/60	72%	16/30	53%	
268	CCAG461	Trần Phi	Hoàng	25/6/1983	Công tác thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	UBND thành phố Châu Đốc	51/60	85%	19/30	63%	

269	CCAG462	Phan Thị Bích	Hợp	04/01/1989	Công tác thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	UBND thành phố Châu Đốc	53/60	88%	16/30	53%	
270	CCAG463	Nguyễn Thị Nhựt	Linh	20/11/1993	Công tác thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	UBND thành phố Châu Đốc	48/60	80%	22/30	73%	
271	CCAG464	Trần Thị Ái	Ngân	18/12/1988	Công tác thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	UBND thành phố Châu Đốc	41/60	68%	21/30	70%	
272	CCAG465	Trần Cao	Phàm	03/8/1992	Công tác thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	UBND thành phố Châu Đốc	58/60	97%	23/30	77%	
273	CCAG468	Trần Phan Đỗ	Quyên	02/12/1990	Công tác thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	UBND thành phố Châu Đốc	57/60	95%	22/30	73%	
274	CCAG469	Huỳnh Thị Tuyết	Vân	02/7/1990	Công tác thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	UBND thành phố Châu Đốc	46/60	77%	24/30	80%	
275	CCAG470	Chau Quốc	Việt	1985	Công tác thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	UBND thành phố Châu Đốc	54/60	90%	20/30	67%	
276	CCAG472	Cao Minh	Bảo	1982	Quản trị công sở	VP. HĐND - UBND	UBND thành phố Châu Đốc	37/60	62%	18/30	60%	
277	CCAG473	Lâm Anh	Đức	15/12/1993	Quản trị công sở	VP. HĐND - UBND	UBND thành phố Châu Đốc	48/60	80%	19/30	63%	
278	CCAG477	Huỳnh Thị Anh	Kiều	27/6/1984	Quản lý lĩnh vực thương mại	Phòng Kinh tế	UBND thành phố Long Xuyên	49/60	82%	24/30	80%	
279	CCAG479	Lê Lệ	Huyền	22/2/1994	Quản lý về lĩnh vực thương mại	Phòng Kinh tế	UBND thành phố Long Xuyên	53/60	88%	24/30	80%	
280	CCAG480	Dương Diệp	Phụng	31/8/1994	Quản lý về lĩnh vực thương mại	Phòng Kinh tế	UBND thành phố Long Xuyên	41/60	68%	18/30	60%	
281	CCAG482	Phan Ngọc Tường	Vy	03/11/1992	Quản lý về lĩnh vực thương mại	Phòng Kinh tế	UBND thành phố Long Xuyên	45/60	75%	15/30	50%	
282	CCAG483	Võ Thị Quý	Xuân	30/1/1993	Quản lý về lĩnh vực thương mại	Phòng Kinh tế	UBND thành phố Long Xuyên	50/60	83%	28/30	93%	
283	CCAG485	Nguyễn Thị Thùy	Dung	01/01/1989	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Long Xuyên	51/60	85%	22/30	73%	
284	CCAG486	Lê Tuyết	Ngọc	07/10/1988	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Long Xuyên	55/60	92%	21/30	70%	
285	CCAG487	Lê Thị Ngọc Huỳnh	Như	27/4/1990	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Long Xuyên	55/60	92%	18/30	60%	
286	CCAG488	Trần Thị Ngọc	Nở	09/10/1995	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Long Xuyên	42/60	70%	16/30	53%	
287	CCAG490	Nguyễn Thị Huỳnh	Nga	15/07/1987	Kế toán	Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Long Xuyên	53/60	88%	19/30	63%	

288	CCAG491	Vũ Thị Mỹ	Nhung	22/11/1991	Kế toán	Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Long Xuyên	52/60	87%	15/30	50%	
289	CCAG493	Hà Phương	Thảo	12/5/1994	Kế toán	Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Long Xuyên	50/60	83%	18/30	60%	
290	CCAG494	Nguyễn Thị Cẩm	Thư	16/12/1997	Kế toán	Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Long Xuyên	43/60	72%	17/30	57%	
291	**CCAG498**	Mai Nguyễn Đình	Duy	13/5/1992	Quản lý tài chính ngân sách	Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Long Xuyên	50/60	83%	Miễn		TN đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam
292	CCAG499	Cao Minh	Hải	10/01/1992	Quản lý tài chính ngân sách	Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Long Xuyên	54/60	90%	26/30	87%	
293	CCAG502	Ngô Linh	Chi	30/7/1987	Bảo trợ xã hội	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND thị xã Tân Châu	47/60	78%	21/30	70%	
294	CCAG503	Nguyễn Thị Ngọc	Có	19/06/1988	Bảo trợ xã hội	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND thị xã Tân Châu	52/60	87%	22/30	73%	
295	CCAG505	Nguyễn Thị Ngọc	Khoa	01/5/1984	Bảo trợ xã hội	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND thị xã Tân Châu	50/60	83%	18/30	60%	
296	CCAG506	Đặng Đức	Linh	27/6/1993	Bảo trợ xã hội	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND thị xã Tân Châu	47/60	78%	21/30	70%	
297	CCAG507	Thái Thị Tuyết	Mai	11/3/1988	Bảo trợ xã hội	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND thị xã Tân Châu	52/60	87%	19/30	63%	
298	CCAG508	Trần Huỳnh	Thái	21/7/1985	Bảo trợ xã hội	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND thị xã Tân Châu	52/60	87%	20/30	67%	
299	CCAG513	Nguyễn Hữu	Khanh	24/7/1988	Quản lý tôn giáo	Phòng Nội vụ	UBND thị xã Tân Châu	55/60	92%	15/30	50%	
300	CCAG515	Tạ Huỳnh Đăng	Khoa	07/4/1997	Quản lý tôn giáo	Phòng Nội vụ	UBND thị xã Tân Châu	50/60	83%	17/30	57%	
301	CCAG520	Nguyễn Tấn	Thông	19/11/1994	Quản lý tôn giáo	Phòng Nội vụ	UBND thị xã Tân Châu	48/60	80%	23/30	77%	

302	CCAG523	Võ Thị Mỹ	Tiên	19/3/1993	Quản lý tôn giáo	Phòng Nội vụ	UBND thị xã Tân Châu	56/60	93%	18/30	60%	
303	CCAG525	Nguyễn Thị Hồng	Trang	04/9/1997	Quản lý tôn giáo	Phòng Nội vụ	UBND thị xã Tân Châu	42/60	70%	15/30	50%	
304	CCAG527	Tôn Thị Tú	Trinh	21/02/1984	Quản lý tôn giáo	Phòng Nội vụ	UBND thị xã Tân Châu	59/60	98%	21/30	70%	
305	CCAG528	Lâm Ngọc Lan	Vi	20/01/1985	Quản lý tôn giáo	Phòng Nội vụ	UBND thị xã Tân Châu	54/60	90%	17/30	57%	
306	CCAG529	Nguyễn Thanh	Bình	18/02/1988	Thẩm định HSXD-QLXD	Phòng Quản lý đô thị	UBND thị xã Tân Châu	47/60	78%	16/30	53%	
307	CCAG530	Ngô Thành	Đấu	22/12/1987	Thẩm định HSXD-QLXD	Phòng Quản lý đô thị	UBND thị xã Tân Châu	54/60	90%	16/30	53%	
308	CCAG532	Lôi Thanh	Hiền	09/2/1990	Thẩm định HSXD-QLXD	Phòng Quản lý đô thị	UBND thị xã Tân Châu	50/60	83%	19/30	63%	
309	CCAG533	Đỗ Vĩnh	Thái	09/02/1989	Thẩm định HSXD-QLXD	Phòng Quản lý đô thị	UBND thị xã Tân Châu	45/60	75%	19/30	63%	
310	CCAG534	Dương Minh	Triết	24/7/1990	Thẩm định HSXD-QLXD	Phòng Quản lý đô thị	UBND thị xã Tân Châu	55/60	92%	26/30	87%	
311	CCAG536	Đặng Bảo	Nghĩa	06/01/1997	Kế toán	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	31/60	52%	20/30	67%	
312	CCAG537	Trần Phú	Cường	10/4/1989	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	51/60	85%	22/30	73%	
313	CCAG540	Trương Phúc	Hậu	26/02/1990	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	53/60	88%	22/30	73%	
314	CCAG541	Trần Thế	Hiển	02/02/1985	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	55/60	92%	22/30	73%	
315	CCAG542	Lê Tấn	Kiệt	03/8/1980	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	47/60	78%	21/30	70%	
316	CCAG543	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/5/1990	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	55/60	92%	23/30	77%	
317	CCAG544	Văn Công	Nghị	12/9/1991	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	56/60	93%	24/30	80%	
318	CCAG545	Nguyễn Phan Hồng	Ngọc	08/7/1994	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	56/60	93%	29/30	97%	
319	CCAG546	Lê Thị Kim	Nguyền	1986	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	50/60	83%	15/30	50%	
320	CCAG547	Trần Trọng	Nhân	15/7/1994	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	56/60	93%	17/30	57%	
321	CCAG548	Nguyễn Thanh	Sơn	15/6/1992	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	43/60	72%	18/30	60%	

322	CCAG550	Huỳnh Thái Trang	Thi	14/9/1986	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	55/60	92%	25/30	83%	
323	CCAG552	Nguyễn Nhật	Vinh	16/01/1982	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Tân Châu	51/60	85%	18/30	60%	
324	CCAG553	Nguyễn Văn	Bền	1984	Phụ trách thanh tra hành chính	Thanh tra	UBND thị xã Tân Châu	51/60	85%	15/30	50%	
325	CCAG555	Nguyễn Thị Ngọc	Lợi	15/06/1992	Phụ trách thanh tra hành chính	Thanh tra	UBND thị xã Tân Châu	47/60	78%	19/30	63%	
326	CCAG556	Nguyễn Tuấn	Ngàn	20/5/1992	Phụ trách thanh tra hành chính	Thanh tra	UBND thị xã Tân Châu	49/60	82%	20/30	67%	
327	CCAG557	Trương Kim	Trân	10/12/1995	Phụ trách thanh tra hành chính	Thanh tra	UBND thị xã Tân Châu	50/60	83%	15/30	50%	
328	CCAG558	Phạm Thị Mộng	Tuyền	13/11/1985	Phụ trách thanh tra hành chính	Thanh tra	UBND thị xã Tân Châu	49/60	82%	19/30	63%	
329	CCAG559	Phạm Minh	Tuấn	10/06/1990	Quản trị công sở	VP. HĐND - UBND	UBND TP Châu Đốc	54/60	90%	20/30	67%	
330	CCAG561	Nguyễn Hồng	Lạc	1984	Hành chính tổng hợp	Phòng Hành chính tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	49/60	82%	19/30	63%	
331	CCAG562	Lê Thị Kim	Lộc	10/8/1996	Hành chính tổng hợp	Phòng Hành chính tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	59/60	98%	20/30	67%	
332	CCAG563	Tiêu Phú	Lộc	1990	Hành chính tổng hợp	Phòng Hành chính tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	54/60	90%	18/30	60%	
333	CCAG565	Nguyễn Thị Lan	Nhi	16/3/1994	Hành chính tổng hợp	Phòng Hành chính tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	56/60	93%	27/30	90%	
334	CCAG566	Trần Thị Bảo	Như	03/12/1996	Hành chính tổng hợp	Phòng Hành chính tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	56/60	93%	25/30	83%	
335	CCAG567	Huỳnh Duy	Phương	04/8/1991	Hành chính tổng hợp	Phòng Hành chính tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	53/60	88%	16/30	53%	

Tổng số: 335 người